TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Bùi Thị T

Ông Lê Văn L

- *Thư ký phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Thúy K – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa*: Bà Cao Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 643/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bích T – sinh năm 1978
Địa chỉ: TDP M, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà
Có mặt.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn Đ – sinh năm 1976
Địa chỉ: TDP M, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn Đ kết hôn năm 1999 tại UBND xã H. Quá trình chung sống ông Đ thường ghen tuông nên vợ chồng cải vã rồi đánh bà. Bà và ông Đ đã không sống chung từ tháng 7/2017. Bà không còn tình cảm với ông Đ nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trang Diễm M – sinh ngày 08/6/2000 và Nguyễn Tấn H – sinh ngày 06/8/2001. Bà T xin nuôi cháu H và giao cháu M cho ông Đ nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyễn Tấn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bà Nguyễn Thị Bích T tại phiên tòa thể hiện: Bà T và ông Nguyễn Tấn Đ kết

hôn năm 1999 tại UBND xã H. Quá trình chung sống ông Đ thường ghen tuông nên vợ chồng cải vã rồi đánh bà. Hiện tại bà và ông Đ không còn sống chung với nhau nữa. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đ để hòa giải và mở phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt, chứng tỏ ông Đ không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà T. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Đ và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trang Diễm M – sinh ngày 08/6/2000 và Nguyễn Tấn H – sinh ngày 06/8/2001. Bà T xin nuôi cháu H và giao cháu M cho ông Đ nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu M có nguyện vọng ở với cha, cháu H có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng, giao cháu M cho ông Đ nuôi dưỡng. Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

1. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Tấn Đ kết hôn năm 1999 tại UBND xã H được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40 ngày 24/8/1999. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống ông Đ thường ghen tuông nên vợ chồng cải vã rồi đánh bà. Toà án đã triệu tập ông Đ để hoà giải nhưng ông Đ vắng mặt. Ngày 08/02/2018 và ngày 01/3/2018, Toà án mở phiên toà xét xử nhưng ông Đ vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông Đ không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Tấn Đ đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa ông Đ và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trang Diễm M – sinh ngày 08/6/2000 và Nguyễn Tấn H – sinh ngày 06/8/2001. Bà T xin nuôi cháu H và giao cháu M cho ông Đ nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu M có nguyện vọng ở với cha và hiện tại ông Đ đang nuôi dưỡng, cháu H có nguyện vọng ở với mẹ và hiện tại bà T đang nuôi dưỡng nên cần giao cháu M cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông Đ thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T.

1. Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn ông Nguyễn Tấn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trang Diễm M – sinh ngày 08/6/2000 cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Tấn H – sinh ngày 06/8/2001 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ và bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông Đ thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003357 ngày 20/10/2017 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND p.H (GCNKH 40/24.8.1999);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hướng